Khái niệm và quan niệm về Nghiên cứu cơ bản

Tô Duy Hợp(*)

Tóm tắt: *Bài viết tập trung phân tích 3 cấp độ từ nội hàm sơ bộ, nội hàm cơ bản đến nội hàm đầy đủ của khái niệm Nghiên cứu cơ bản, qua đó chỉ rõ tình trạng nan đề thể hiện dưới dạng cặp đối/hợp khái niệm. Đồng thời, làm rõ một số quan điểm về Nghiên cứu cơ bản như: Quan điểm giản đơn hoặc/và Quan điểm phức hợp, Quan điểm mác xít hoặc/và Quan điểm phi mác xít, Quan điểm thực chứng hoặc/và Quan điểm phản thực chứng, Quan điểm hiện đại hoặc/và Quan điểm hậu hiện đại; chỉ ra tình trạng song đề giữa các quan điểm về Nghiên cứu cơ bản. Hai tình trạng này có thể được thấu hiểu và hóa giải dựa trên cơ sở một số khung lý thuyết nền tảng của triết học và khoa học đương đại như khung mẫu tư duy phức hợp của Edgar Morin và khung lý thuyết khinh - trọng của Tô Duy Hợp và cộng sự.*

Từ khóa: Nghiên cứu cơ bản (Nghiên cứu cơ bản thuần túy, Nghiên cứu cơ bản định hướng), Nghiên cứu ứng dụng, Nghiên cứu triển khai

1. Định nghĩa khái niệm Nghiên cứu cơ bản

Nội hàm sơ bộ của khái niệm Nghiên cứu cơ bản

Theo *Đại Từ điển tiếng Việt*: "Nghiên cứu" có nghĩa là "xem xét, làm cho việc nắm vấn đề dễ nhận thức, tìm cách giải quyết"; còn "cơ bản" có nghĩa là "có tác dụng làm nền, làm gốc trong hệ thống nào đó" *(Đại Từ điển tiếng Việt*, 1998, tr.464, 1197). Nghiên cứu (Study, Research, Investigation, Inquiry) là một dạng hoạt động của con người, nhưng không phải mọi hoạt động đều là nghiên cứu. Dạy và học không phải là nghiên cứu(*). Nhận thức thông thường hàng ngày không phải là nghiên cứu. Lao động chân tay, giản đơn không phải là nghiên cứu. Hoạt động tái tạo không phải là nghiên cứu. Giao tiếp hàng ngày, vui chơi giải trí không phải là nghiên cứu. Nghỉ ngơi thì càng không phải là nghiên cứu. Bởi vì, *nghiên cứu là một dạng hoạt động đặc biệt, một năng lực nhận thức, tư duy và hành động chuyên tâm, chuyên cần, chuyên môn nhằm tạo ra sản phẩm mới so với những khuôn mẫu sẵn có của nhận thức, tư duy và hành động thông thường hàng ngày*. Nghiên cứu trong triết học và khoa học cụ thể là dạng hoạt động *sáng tạo*, hoặc

(*) GS.TS., Giám đốc Trung tâm Khoa học Tư duy, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Email: toduyhop42@yahoo.com

(*) Cái gọi là "Nghiên cứu tài liệu" trong quá trình học tập không phải là nghiên cứu theo đúng nghĩa của nó; đó chẳng qua chỉ là nhận thức lại thành quả của nghiên cứu đích thực.

là *phát hiện* hoặc là *tổng kết* để có tri thức mới, phương pháp mới, công nghệ mới. Theo quan niệm phổ biến hiện nay, một cách sơ bộ người ta có thể xác định rằng *Nghiên cứu cơ bản* (*Fundamental Research*) không phải là *Nghiên cứu ứng dụng* (*Applied Research*), càng không phải là *Nghiên cứu triển khai* (*Development Research*). Người ta đã tạo ra đường phân ranh sơ bộ giữa *Nghiên cứu cơ bản* và *Nghiên cứu không cơ bản* (bao gồm *Nghiên cứu ứng dụng* và *Nghiên cứu triển khai*). Nhìn vào cơ cấu đội ngũ những nhà nghiên cứu có thể nhận thấy tình trạng năng lực nghiên cứu cơ bản chỉ có ở một số rất ít người, đó là năng lực quý hiếm(*). Nghiên cứu ứng dụng thì nhiều người có thể tham gia ở các cấp độ và công đoạn khác nhau, đây là năng lực đại trà. Nghiên cứu triển khai càng để ngỏ khả năng cho nhiều người tham gia cùng một lúc hoặc vào các giai đoạn khác nhau, là năng lực phổ thông.

Nội hàm cơ bản của khái niệm Nghiên cứu cơ bản

Ta hãy xem xét định nghĩa về *Nghiên cứu cơ bản* trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam*: "*Nghiên cứu cơ bản…* những hoạt động khoa học nhằm phát hiện các thuộc tính, các mối quan hệ, các quy luật khách quan của sự vật hay hiện tượng. Kết quả của nó biểu hiện ở việc tìm ra các thuộc tính, các hiện tượng mới, các mối quan hệ, các quy luật mới của hiện thực khách quan, xây dựng nên các suy luận logic, khái niệm, quan niệm, giả thuyết, lý thuyết mới nhằm phản ánh ngày càng sâu sắc hơn các thuộc tính khách quan vốn có của sự vật và hiện tượng" (*Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 3, 2003, tr.116). Trong định nghĩa này ta thấy có sự đồng nhất "Nghiên cứu nói chung" với "Nghiên cứu khoa học", không phân biệt rõ *Nghiên cứu cơ bản* với *Nghiên cứu không cơ bản*. Tuy có ghi nhận đặc trưng quan trọng của *Nghiên cứu cơ bản* là "… xây dựng nên các suy luận logic, khái niệm, quan niệm, giả thuyết, lý thuyết mới nhằm phản ánh sâu sắc hơn các thuộc tính khách quan vốn có của sự vật và hiện tượng", nhưng không phân biệt rõ "cái mới cơ bản" và "cái mới không cơ bản". Ngoài ra, định nghĩa này vẫn chưa làm rõ được những đặc trưng cơ bản của *Nghiên cứu cơ bản* trong triết học và khoa học cụ thể. PGS.TS. Vũ Cao Đàm đã làm rõ được sự khác biệt giữa *Nghiên cứu khoa học* và *Nghiên cứu cơ bản*. Trả lời câu hỏi: "Nghiên cứu khoa học là gì?", ông cho rằng: "Nghiên cứu khoa học nói cho cùng là nhằm thỏa mãn về nhu cầu nhận thức và cải tạo thế giới: 1- Khám phá những thuộc tính bản chất của sự vật hoặc hiện tượng (sau đây gọi chung là sự vật); 2- Phát hiện quy luật vận động của sự vật; 3- Vận dụng quy luật để sáng tạo giải pháp tác động vào sự vật" (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.23). Theo ông, *Nghiên cứu khoa học* có một số chức năng cơ bản sau: a- Mô tả, b- Giải thích(*), c- Tiên đoán; d- Sáng tạo (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.23-26). *Nghiên cứu khoa học* nói chung có những đặc điểm sau: i- Tính mới, ii-

(*) Trong triết học phương Tây, đó là Aristotle, Plato, Democrit, Heraclit, Socrat, F. Bacon, R. Descartes, G. Berkeley, I. Kant, G.W.F. Hegel, K. Marx, A. Comte,… Trong khoa học phương Tây, đó là Euclid, N.I. Lobachevsky, Pythagoras, G. Cantor, G.W. Leibniz, Galileo Galilei, I. Newton, A. Einstein, N. Bohr, W. Heisebgerg, D. I. Mendeleyev, C. R. Darwin, A. Comte, K. Marx, M. Weber,…

(*) Theo M. Weber thì trước khi giải thích cần tìm hiểu và mục đích của nghiên cứu là phải hướng tới Verstehen (= thấu hiểu ý nghĩa) của các sự kiện.

Tính tin cậy, iii- Tính thông tin(*), iv- Tính khách quan, v- Tính rủi ro (Risk), vi- Tính kế thừa, vii- Tính cá nhân, viii- Tính phi kinh tế… (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.28-32).

Vậy xét về thực chất, *Nghiên cứu cơ bản* và *Nghiên cứu không cơ bản* chủ yếu khác nhau ở điểm nào? Với tư cách là một loại hình nghiên cứu, "*Nghiên cứu cơ bản* là những nghiên cứu nhằm phát hiện về bản chất và quy luật của các sự vật hoặc hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, con người… Kết quả của nghiên cứu cơ bản luôn là những phân tích lý luận, những kết luận về quy luật, những định luật, định lý,v.v… Cuối cùng, trên cơ sở những nghiên cứu này, người nghiên cứu đưa ra được những phát hiện, phát kiến, phát minh, xây dựng nên những cơ sở lý thuyết có giá trị tổng quát cho lĩnh vực hoạt động" (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.33-34).

Nghiên cứu ứng dụng là một loại hình nghiên cứu khác với *Nghiên cứu cơ bản*: "*Nghiên cứu ứng dụng* là sự vận dụng các quy luật từ trong *Nghiên cứu cơ bản* (thường là *Nghiên cứu cơ bản định hướng*) để đưa ra nguyên lý về giải pháp, có thể bao gồm công nghệ, sản phẩm, vật liệu, thiết bị; Nghiên cứu áp dụng các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào trong một môi trường mới của sự vật và hiện tượng. Giải pháp được hiểu theo một nghĩa rộng nhất của thuật ngữ này: có thể là một giải pháp công nghệ, vật liệu, tổ chức, quản lý" (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.38). *Nghiên cứu triển khai* là loại hình nghiên cứu khác với hai loại hình nêu trên: "Trong một số tài liệu của UNESCO, hoạt động *triển khai* (*Development*) còn được gọi là *triển khai thực nghiệm* (*Experimental Development*) hoặc *triển khai thực nghiệm kỹ thuật*; trong *Đương đại Khoa học Từ điển* còn được gọi là *Nghiên cứu phát triển*. Đặc trưng của triển khai là sự vận dụng các quy luật (thu được từ trong *Nghiên cứu cơ bản*) và các nguyên lý (thu được từ trong *Nghiên cứu ứng dụng*) để đưa ra *các hình mẫu* với những tham số đủ mang tính *khả thi về kỹ thuật*" (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.39-40).

Sự khác biệt giữa *Nghiên cứu cơ bản* và *Nghiên cứu không cơ bản* thể hiện ở đặc trưng đầu vào (các câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu), và ở đặc trưng đầu ra (các kết quả nghiên cứu). Tóm lại, *thực chất của Nghiên cứu cơ bản là một loại hình nghiên cứu tập trung chú ý vào các sự kiện cơ bản, tìm hiểu các vấn đề cơ bản, đặt ra các giả thuyết cơ bản nhằm khám phá bản chất sâu xa, phát hiện các quy luật nền tảng của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy; trên cơ sở đó, xây dựng các lý thuyết nền tảng làm kim chỉ nam cho hoạt động thực tiễn cải tạo thế giới của con người và loài người*(*).

(*) Trong tháp thông tin theo nghĩa mở rộng thì ở dưới đáy tháp là dữ liệu (Data), trên đáy là cấp độ thông tin (Information), trên cấp độ thông tin là tri thức (Knowledge), trên cấp độ tri thức là minh triết (Wisdom).

(*) Thí dụ điển hình về các công trình nghiên cứu cơ bản:
- Trong triết học, đó là "Metaphysics" (Siêu hình học) và "Organon" (Bộ công cụ) của Aristotle, "Novumorganon" (Bộ công cụ mới) của F. Bacon, "Phê phán lý tính thuần tuý" của I. Kant, "Khoa học về Logic" của G.W.F. Hegel, "Triết học thực chứng" của A. Comte, "Biện chứng của Tự nhiên" của F. Engels, "Chủ nghĩa duy vật và Chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm" của V.I. Lenin,…
- Trong khoa học cụ thể, đó là hệ tiên đề hình học Euclid, hệ nguyên lý cơ học Newton, Thuyết tương đối Einstein, Thuyết lượng tử của Bohr-Heisenberg, Bảng tuần hoàn Mendeleyev, Thuyết tiến hoá Darwin, Bộ "Tư bản" của Marx,…

Nội hàm đầy đủ của khái niệm Nghiên cứu cơ bản

Trong định nghĩa cơ bản chỉ vạch ra những đặc trưng cơ bản của đối tượng mà khái niệm phản ánh hoặc/và sáng tạo. Muốn có định nghĩa đầy đủ phải bổ sung thêm các đặc trưng không cơ bản của đối tượng đó. Đối với khái niệm *Nghiên cứu cơ bản*, ngoài các dấu hiệu chủ yếu đã nêu trên ta có thể bổ sung thêm các dấu hiệu quan trọng sau đây:

Trong sách đã trích dẫn của Vũ Cao Đàm, ta thấy ông đã ghi nhận rằng: "*Nghiên cứu cơ bản* có thể thực hiện trên cơ sở những nghiên cứu thuần túy lý thuyết… *Nghiên cứu cơ bản* cũng có thể thực hiện dựa trên cơ sở những quan sát hoặc thí nghiệm, đo đạc những biểu hiện, ảnh hưởng và tác động của một quy luật chưa biết nào đó,… Các hoạt động nghiên cứu lý thuyết hoặc thực nghiệm trên đây được lặp đi lặp lại nhiều lần với những tham số thay đổi, cho đến khi tính đúng đắn của giả thuyết được khẳng định hoặc phủ định" (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.33-34).

Như vậy, ta thấy rằng *Nghiên cứu cơ bản* là một quá trình mâu thuẫn biện chứng, nghĩa là bao gồm 2 quá trình *Nghiên cứu lý thuyết cơ bản* và *Nghiên cứu thực nghiệm cơ bản* vừa đối lập, vừa thống nhất với nhau. Tình trạng này có bản chất logic kép (Dialogic), tức là đối/hợp: một mặt là nhị đối (phép tuyển logic) theo công thức "hoặc là *Nghiên cứu lý thuyết cơ bản* hoặc là *Nghiên cứu thực nghiệm cơ bản*", mặt khác là lưỡng hợp (phép hội logic) theo công thức "vừa là *Nghiên cứu lý thuyết cơ bản*, vừa là *Nghiên cứu thực nghiệm cơ bản*"(*).

"*Nghiên cứu cơ bản* được phân ra thành hai loại: *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* (*Nghiên cứu cơ bản tự do*) và *Nghiên cứu cơ bản định hướng* (*Nghiên cứu thăm dò*). *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* còn được gọi là *Nghiên cứu cơ bản tự do*, hoặc *Nghiên cứu cơ bản không định hướng*. Đây là nghiên cứu chỉ mới nhằm mục đích duy nhất là tìm ra bản chất và quy luật của các hiện tượng tự nhiên và xã hội để nâng cao nhận thức, chưa có sự vận dụng nào vào một hoạt động cụ thể của con người. *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* nói chung mang tính chất cá nhân hoặc ít ra cũng do một nhà nghiên cứu có uy tín giữ vai trò chủ yếu. Trong trường hợp này, nhà nghiên cứu là người có thể quyết định việc chọn lựa đối tượng nghiên cứu và tổ chức công việc nghiên cứu một cách độc lập, có thể không phụ thuộc vào một cấp quyết định nào(*). *Nghiên cứu cơ bản định*

(*) Trong vật lý học chẳng hạn, *Nghiên cứu thực nghiệm cơ bản* của A.A. Michelson (đo lường chính xác tốc độ của ánh sáng trong chân không) là quá trình độc lập hoàn toàn với *Nghiên cứu lý thuyết cơ bản* của A. Einstein (xây dựng cơ sở lý thuyết tương đối hẹp); trong khi Galileo Galilei đã kết hợp *Nghiên cứu thực nghiệm cơ bản* (đo lường chính xác tốc độ viên bi lăn trên một mặt phẳng nghiêng) và *Nghiên cứu lý thuyết cơ bản* (phát hiện quy luật quán tính của chuyển động cơ giới) trong một *Nghiên cứu vật lý cơ bản*, góp phần xây dựng hệ *Nguyên lý cơ học* Newton.

(*) Sản phẩm của *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* chính là những phát minh (= Phát hiện cơ bản), thí dụ như I. Newton phát minh định luật hấp dẫn vũ trụ, G. Galilei phát hiện các vệ tinh của sao Mộc, Marie và Pierre Curie phát hiện nguyên tố phóng xạ Radium, Adam Smith phát hiện "Bàn tay vô hình" của thị trường, K. Marx phát hiện quy luật bóc lột giá trị thặng dư của phương thức sản xuất TBCN,… Nhiều phát hiện không được coi là phát minh, nghĩa là không thuộc phạm trù nghiên cứu cơ bản thuần túy, chẳng hạn như phát kiến về địa lý tự nhiên; phát hiện khảo cổ học; phát hiện trong điền dã dân tộc học hay trong khảo sát, điều tra xã hội học.

Sản phẩm của *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* còn có thể là những tổng kết lớn tạo ra những lý thuyết nền tảng hoặc khung lý thuyết cơ bản, chẳng hạn như Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của K. Marx và F.

hướng là những nghiên cứu cơ bản đã dự kiến trước mục đích ứng dụng… còn được gọi là *Nghiên cứu thăm dò*, ví dụ Pasteur đã làm một loạt thí nghiệm để kiểm chứng giả thuyết của ông về một quy luật gây bệnh do vi khuẩn. Đây là một *Nghiên cứu cơ bản định hướng*. Nghiên cứu này đã xác định rõ mục đích áp dụng là tìm cơ chế gây bệnh. Ông đã đi đến một giả thuyết rằng, nếu cơ thể bị nhiễm vi khuẩn yếu, thì động vật có khả năng đề kháng với loại bệnh do chính vi khuẩn đó gây ra. UNESCO chia *Nghiên cứu cơ bản định hướng* thành *Nghiên cứu nền tảng* (*Background Research*) và *Nghiên cứu chuyên đề* (*Thematic Research*). *Nghiên cứu nền tảng* là những nghiên cứu dựa trên các quan sát, đo đạc để thu số liệu và dữ kiện nhằm mục đích tìm hiểu và khám phá quy luật của tự nhiên. Thuộc loại hình nghiên cứu nền tảng này có thể liệt kê một số dạng như: Nghiên cứu dịch tễ học trong y học nhằm mô tả sự phân bố sức khoẻ trong một cộng đồng dân cư; Điều tra cơ bản tài nguyên và các điều kiện thiên nhiên (điều tra địa chất); Nghiên cứu đại dương, khí quyển, khí tượng, tổng hợp các hóa chất; Nghiên cứu bản chất vật lý, hóa học, sinh học của vật chất. *Nghiên cứu chuyên đề* là nghiên cứu có hệ thống một hiện tượng đặc biệt của tự nhiên, ví dụ trạng thái plasma của vật chất, bức xạ vũ trụ, gen di truyền. Những loại nghiên cứu cơ bản định hướng thuộc dạng này không chỉ dẫn đến những cơ sở lý thuyết quan trọng, mà còn có thể dẫn đến những ứng dụng có ý nghĩa lớn lao trong hoạt động kinh tế và các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội" (Vũ Cao Đàm, 1996, tr.34-38).

Qua các bước định nghĩa khái niệm *Nghiên cứu cơ bản* từ nội hàm sơ bộ đến nội hàm cơ bản và nội hàm đầy đủ, ta thấy rõ tình trạng *nan đề (= vấn đề nan giải)* thể hiện dưới dạng cặp đối/hợp *khái niệm*; chí ít là có 3 cặp đối/hợp *khái niệm* sau đây: 1- Cặp đối/hợp *Nghiên cứu cơ bản* hoặc/và *Nghiên cứu không cơ bản* (= *Nghiên cứu ứng dụng* hoặc/và *Nghiên cứu triển khai*); 2- Cặp đối/hợp *Nghiên cứu lý thuyết cơ bản* hoặc/và *Nghiên cứu thực nghiệm cơ bản*; 3- Cặp đối/hợp *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* hoặc/và *Nghiên cứu cơ bản định hướng (= Nghiên cứu nền tảng* hoặc/và *Nghiên cứu chuyên đề*).

2. Một số quan điểm về Nghiên cứu cơ bản

Có nhiều quan điểm khác nhau về *Nghiên cứu cơ bản*. Hơn thế nữa, giữa các quan điểm về *Nghiên cứu cơ bản* đã hình thành *song đề (Dilemma)*, tức là tình trạng cặp đôi *chính đề (Thesis)* hoặc/và *phản đề (Antithesis)* quan trọng sau đây:

Quan điểm giản đơn hoặc/và quan điểm phức hợp về Nghiên cứu cơ bản

Quan điểm giản đơn về *Nghiên cứu cơ bản* tách rời hoàn toàn giữa *Nghiên cứu cơ bản* và *Nghiên cứu không cơ bản*. Xu hướng này thường biểu hiện trong một số công trình nghiên cứu triết học và nghiên cứu khoa học cơ bản, nhất là trong thời kỳ triết học và khoa học cổ điển. Quan điểm phức hợp về *Nghiên cứu cơ bản* chống lại quan điểm đơn giản hóa nêu trên về *Nghiên cứu cơ bản*, cho rằng ngay cả cái gọi là *Nghiên cứu cơ bản thuần túy* cũng không hoàn toàn là thuần túy, do mối quan hệ giữa "thuần túy" và "không thuần túy" mang

---

Engels; Lý thuyết hệ thống tổng quát của L. Bertalanffy; Khung mẫu Tư duy phức hợp của E. Morin; …

tính mâu thuẫn biện chứng, nghĩa là mang tính đối/hợp logic: một mặt là đối lập, có thể loại trừ lẫn nhau; song mặt khác, lại có thể đan xen, xâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau để tạo thành một chỉnh thể thống nhất giữa các mặt đối lập ấy. Quan hệ giữa *Nghiên cứu cơ bản* và *Nghiên cứu không cơ bản* cũng có bản chất đối/hợp logic: vừa là *nhị đối* (giữa *Nghiên cứu cơ bản* hoặc là *Nghiên cứu không cơ bản*), vừa là *lưỡng hợp* (giữa *Nghiên cứu cơ bản* và *Nghiên cứu không cơ bản*).

Quan điểm giản đơn và quan điểm phức hợp về *Nghiên cứu cơ bản* tạo ra tình trạng *song đề*: đó là tình trạng đối/hợp giữa *chính đề* và *phản đề*. Điều này có ý nghĩa rằng sự đối lập, loại trừ lẫn nhau của hai quan niệm nêu trên không phải là tình trạng duy nhất. Bởi vì ngoài ra, còn có nhiều tình trạng khác, mang tính trung gian không kém phần quan trọng như: có thể kết hợp hai quan điểm nêu trên để có một quan điểm mới hợp lý hơn; hoặc có thể lựa chọn quan điểm chiết trung, hay nước đôi, vẹn cả đôi đường: vừa đơn giản, vừa phức hợp trong một quá trình nghiên cứu lâu dài bao gồm nhiều giai đoạn hoặc trong một công trình tập thể bao gồm nhiều người với những cách tiếp cận khác nhau, bổ sung cho nhau.

Quan điểm mác xít hoặc/và quan điểm phi mác xít về Nghiên cứu cơ bản

Quan điểm mác xít về *Nghiên cứu cơ bản* trong triết học và khoa học cụ thể dựa trên cơ sở *Duy vật biện chứng* và *Duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Marx*. Theo đó, những nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm về *Cơ sở vật chất tự nhiên, Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội* luôn là những nghiên cứu cơ bản, đặt nền tảng cho toàn bộ quá trình nhận thức (lý luận/khoa học) và hoạt động (thực tiễn/đời sống). Quan điểm phi mác xít về *Nghiên cứu cơ bản* dựa trên cơ sở chống lại *Duy vật biện chứng* và *Duy vật lịch sử*. Có nhiều khuynh hướng phi mác xít như *Duy tâm biện chứng* và *Duy tâm lịch sử*; *Duy vật siêu hình* hoặc *Duy tâm siêu hình*; Quan điểm chiết trung (chẳng duy vật cũng chẳng duy tâm, chẳng biện chứng hoàn toàn cũng chẳng siêu hình triệt để);… Tất cả các khuynh hướng đa dạng này đều có một điểm chung là chống Chủ nghĩa Marx, chống Chủ nghĩa cộng sản do Marx đề xướng. Trong quan điểm về *Nghiên cứu cơ bản*, hoặc là cho rằng những nghiên cứu về cơ sở tinh thần, cơ sở văn hóa - xã hội cơ bản hơn so với những nghiên cứu về cơ sở vật chất, cơ sở kinh tế - xã hội; hoặc là cho rằng kết hợp cả hai loại hình nghiên cứu nêu trên mới thực sự là *Nghiên cứu cơ bản* trong triết học và khoa học cụ thể.

Hai hệ quan điểm mác xít và phi mác xít về *Nghiên cứu cơ bản* đã từng đối đầu trong lịch sử nghiên cứu triết học và khoa học cụ thể; tuy nhiên về sau và nhất là hiện nay đã chuyển sang đối thoại, thậm chí hợp tác với nhau; kết quả là tạo ra một tình trạng *song đề* giữa quan điểm mác xít hoặc/và quan điểm phi mác xít về *Nghiên cứu cơ bản*. Tình trạng đối/hợp quan điểm này có nhiều biểu hiện đa dạng và phong phú: có đối cực (đối kháng), có đối trọng (vừa cạnh tranh, vừa hợp tác), có nước đôi, chiết trung, "ba phải", có điều chỉnh hoặc thay đổi quan điểm ("nhạt đạo", "cải đạo",…).

Quan điểm thực chứng hoặc/và quan điểm phi thực chứng về Nghiên cứu cơ bản

Trong các khuynh hướng phi mác xít đã có sự phân đôi mâu thuẫn giữa

quan điểm thực chứng và quan điểm phản thực chứng về *Nghiên cứu cơ bản*.

Quan điểm thực chứng trên bình diện triết học gần với *Đường lối Trung đạo:* không duy vật cũng chẳng duy tâm; họ muốn có đường lối thứ ba trong triết học. Trên bình diện khoa học cụ thể, quan điểm thực chứng có điểm giống nhau với quan điểm mác xít khi họ đề cao *Quan điểm/Tiếp cận toàn thể luận* (*Holistic Perspective/Approach*) hơn là *Quan điểm/Tiếp cận phi toàn thể luận* (*Non-Holistic Perspective/Approach*), chẳng hạn như đề cao chủ nghĩa cộng đồng hơn chủ nghĩa cá nhân. Những nhà thực chứng chủ nghĩa cho rằng nghiên cứu thực nghiệm là nghiên cứu cơ bản; mọi nghiên cứu lý thuyết đều phải theo nguyên tắc *quy giản về cơ sở thực nghiệm*, nếu làm trái nguyên tắc này hoặc thất bại trong chương trình quy giản về thực nghiệm thì nghiên cứu lý thuyết như thế là vô giá trị. Trong *Nghiên cứu quy giản thực nghiệm cơ bản*, họ đề cao các công trình nghiên cứu về *Quy luật nhân quả* và theo lược đồ phân tích - tổng hợp *định lượng* chính xác, chặt chẽ, đó chính là *Sơ đồ tương quan giữa các biến số* phụ thuộc, độc lập, trung gian, can thiệp nhằm nâng cao năng lực *giải thích khách quan, khoa học*. Quan điểm phản thực chứng trên bình diện triết học có thể chống chiết trung chủ nghĩa bằng duy tâm chủ nghĩa hoặc bằng duy vật siêu hình chứ không phải bằng duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Marx. Trên bình diện khoa học cụ thể, họ đề cao *Quan điểm/tiếp cận cá nhân luận* (*Individualistic Perspective/ Approach*). Họ cho rằng nghiên cứu hành vi cá thể, hành động cá nhân, tương tác vi mô là cơ bản hơn so với nghiên cứu hành động tập thể, quá trình vĩ mô; vì muốn giải thích nhân quả thì trước hết cần phải tìm hiểu ý nghĩa của hành vi con người và *thấu hiểu* (Verstehen - thuật ngữ độc đáo của M. Weber) ý nghĩa của sự kiện mới thực sự là *Nghiên cứu cơ bản* nhất; nói khác đi, giải nghĩa (Deep Understanding) cơ bản hơn giải thích (Explanation). Một cách tương ứng, *Nghiên cứu cơ bản định tính* quan trọng hơn *Nghiên cứu cơ bản định lượng*.

Thực ra, hai hệ quan điểm này chỉ đối kháng với nhau trong giai đoạn đầu và chỉ tiếp tục đối đầu với nhau giữa những tác giả có thái độ cực đoan, thái quá. Trong các giai đoạn về sau và nhất là hiện nay, ngày càng có sự xích lại gần nhau, bổ sung cho nhau để có quan điểm đầy đủ hơn: kết hợp *Nghiên cứu cơ bản lý thuyết* và *Nghiên cứu cơ bản thực nghiệm*, *Nghiên cứu cơ bản định tính* và *Nghiên cứu cơ bản định lượng*, *Nghiên cứu thấu hiểu* (ý nghĩa) và *Nghiên cứu giải thích* (nhân quả) theo những kiểu cách và mức độ khác nhau.

Quan điểm hiện đại hoặc/và quan điểm hậu hiện đại về Nghiên cứu cơ bản

Quan điểm hiện đại chủ nghĩa (Modernism) dựa trên hệ quan điểm/tiếp cận cổ điển trong triết học và khoa học cụ thể. Theo đó thì các *Khung mẫu (Paradigm)* lý thuyết, các *Đại tự sự (Grands Récit = Thuật ngữ của J. F. Lyotard)* mới xứng tầm nghiên cứu cơ bản. Khuynh hướng nổi trội của quan điểm hiện đại chủ nghĩa về *Nghiên cứu cơ bản* là đề cao *Quy giản luận (Reductionism)* và *Tất định luận (Determinism)*. Đây là cơ sở cho các quan điểm duy/vị cực đoan như Chủ nghĩa duy vật khoa học (Scientific Materalism), Chủ nghĩa duy tâm vật lý

(Physical Idealism), Chủ nghĩa duy nghiệm phê phán (Critical Empiricism), Chủ nghĩa duy lý phê phán (Critical Rationalism),... Quan điểm hậu hiện đại chủ nghĩa (Postmodernism*)* lúc đầu là sự nổi loạn chống lại quan điểm hiện đại chủ nghĩa, tuyên bố xóa bỏ thần tượng ***Đại tự sự*** của triết học và khoa học cổ điển, thay thế vào đó là những *Diễn ngôn hậu hiện đại (Postmodernist Discourse)* mang tính *Phản quy giản luận (Antireductonism)* và *Phản tất định luận (Antideterminism)*. Tuy nhiên, hiện nay những người theo quan điểm hậu hiện đại quá khích và những người muốn kéo dài sức sống của Chủ nghĩa hiện đại bằng *Chủ nghĩa hiện đại hậu kỳ (Late Modernism)* đang xích lại gần nhau; kết quả là đang tạo ra *song đề* giữa Quan điểm hiện đại hóa (Modernization Perspective) hoặc/và Quan điểm hậu hiện đại hóa (Postmodernization Perspective) về *Nghiên cứu cơ bản*.

Biểu hiện quan trọng của song đề giữa quan điểm hiện đại hoặc/và quan điểm hậu hiện đại về *Nghiên cứu cơ bản* đó là tình trạng đối/hợp giữa *Nghiên cứu cơ bản chuyên ngành* hoặc/và *Nghiên cứu cơ bản liên ngành*. Bởi vì Chủ nghĩa hiện đại đã tạo ra sự cách biệt quá lớn giữa các chuyên ngành trong nội bộ triết học và khoa học cụ thể, cũng như giữa khoa học cụ thể và triết học. Sứ mệnh lịch sử của Chủ nghĩa hậu hiện đại là xóa bỏ sự cách biệt thái quá đó. Tuy nhiên, có vẻ như không thể xóa bỏ hoàn toàn đường phân ranh giữa các khoa học cơ bản cũng như giữa nghiên cứu khoa học cơ bản với nghiên cứu triết học cơ bản. Bởi vì bản chất của các hệ thống phức hợp là mang tính *mở, mềm, mờ* chứ không phải *đóng, cứng, tỏ* như Chủ nghĩa hiện đại đã từng giả định. Hóa ra, các hệ thống *đóng, cứng, tỏ* chỉ là những trừu tượng hóa từ thực tế chứ không phải là thực tại khách quan theo đúng nghĩa của nó.

* * *

Tình trạng *đối/hợp* trong định nghĩa khái niệm *Nghiên cứu cơ bản* và tình trạng *song đề* giữa các quan điểm về *Nghiên cứu cơ bản* có thể được thấu hiểu và hóa giải dựa trên cơ sở một số khung lý thuyết nền tảng của triết học và khoa học đương đại như khung mẫu tư duy phức hợp của Edgar Morin và khung lý thuyết khinh - trọng của Tô Duy Hợp và cộng sự[(*)] ❑

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. *Đại Từ điển tiếng Việt* (1998), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Vũ Cao Đàm (1996), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, Nxb. Khoa học & Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Tô Duy Hợp (2012), *Khinh - Trọng. Cơ sở lý thuyết*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
4. Lyotard, Jean-Francois (2007), *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Morin, Edgar (2009), *Nhập môn tư duy phức hợp*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
6. *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (2003), Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

(*) Xem thêm, chẳng hạn: Tô Duy Hợp (2015), "Tư duy học - Một giới thiệu dẫn nhập", Tạp chí *Thông tin KHXH*, số 9, tr.10-17.